| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ GÒ CÔNG**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 111/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 4 - 2020
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂNTHỊ XÃ GÒ CÔNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà **Lê Thị Hằng.**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Phan Văn Hùng.**

2. Ông **Đàm Kiến Dân.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Dương Hồng Tâm**- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Phan Ngọc Thanh**- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 373/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Đinh Thị L**, sinh năm: 1981 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp TN, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn V**, sinh năm: 1976 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp TN, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn xin ly hôn ngày 25/11/2019, bản tự khai ngày 07/01/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đinh Thị L trình bày*: Bà và ông Nguyễn Văn V sống với nhau từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TC, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông V thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập bà L. Nhận thấy tình cảm không còn, sống với nhau không hạnh phúc.

Về tình cảm: Bà Đinh Thị L xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị Kiều T- sinh ngày 17/11/2001, Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 12/6/2004 và Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 29/01/2011. Cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Khi ly hôn bà L yêu cầu được nuôi cháu O và cháu Tr, yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/ 02 cháu (750.000đồng/01 cháu) cho đến khi con

đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

***** Bị đơn ông Nguyễn Văn V mặc dù được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ nhưng không nộp cho Tòa án Bản tự khai cũng như văn bản ghi ý kiến của mình. Đồng thời Tòa án đã tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Nguyễn Văn V nhưng do ông V vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt ông V và không hòa giải vụ án được.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng*:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Đinh Thị L là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công.

**[1]** Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc quan hệ "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Đinh Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông V.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về hôn nhân: Bà L và ông V tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TC, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2015. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà L cho rằng ông V thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập bà L rất nhiều lần. Bà L thấy không thể tiếp tục chung sống với ông V. Bà L xin được ly hôn.

Phía ông V đã được triệu tập hợp lệ để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn mâu thuẫn nhưng ông V vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy ông V không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Mâu thuẫn giữa bà L và ông V đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông V theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị Kiều T- sinh ngày

17/11/2001, Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 12/6/2004 và Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 29/01/2011. Cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Khi ly hôn bà L yêu cầu được nuôi cháu O và cháu Tr, yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/ 02 cháu (750.000đồng/01 cháu) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Xét về điều kiện chăm sóc cháu O và cháu Tr từ nhỏ đã được bà L chăm sóc. Tại biên bản xác minh ngày 11/02/2020 chính quyền địa phương xác định bà L, ông V có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con, bà L chăm sóc con tốt. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, giao bà L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu O và cháu Tr. Ông V phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/ 02 cháu (750.000đồng/01 cháu), nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

**[4]**Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

- Về con chung: Giao cho bà Đinh Thị L được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 12/6/2004 và Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 29/01/2011; ông V phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/ 02 cháu (750.000đồng/01 cháu). Thời gian thực hiện cấp dưỡng nuôi con ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình. Riêng cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015*.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

2. Về án phí: Bà Đinh Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 43500 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GC. Khấu trừ xem như đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn V phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án dân sự, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Án được tuyên cùng ngày.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Hằng**

*Nơi nhận:*
- VKSND TXGC;
- CCTHADS TXGC;
- UBND xã TC, GCT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.